

Bản án số: 39/2020/HS-ST

Ngày: 28 - 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Song Hoàn

2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

VŨ THANH T, sinh năm 1981 tại Bắc Ninh. Hộ khẩu thường trú: Số 842/18/18/10 đường G, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Cha: Vũ Xuân H, sinh năm 1955, mẹ: Lê Thị M, sinh năm 1956; Bị cáo là con một; Có vợ tên Hoàng Thị H (đã ly hôn), có 03 con: lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt: ngày 15-10-2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trong vụ án hình sự số 03/2020/TLST-HS ngày 06-01-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Bị hại:

1. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1973;

2. Bà La Thị Hoàng Q, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Số 456/11C đường G, phường NA, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974, địa chỉ: Số 186A đường CH, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người làm chứng:

1. Bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1982, địa chỉ: Số 842/18/18/10 đường G, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Ông Trần Văn S, sinh năm 1976, địa chỉ: Số 850/53H đường G, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

3. Ông Trần Minh K, sinh năm 1964, địa chỉ: Số 67/53 đường S, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

4. Bà Trần Thị H2, sinh năm 1969, địa chỉ: Số 16D đường N, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Nhật Thu H3, sinh năm 1955, địa chỉ: Số 772 đường BT, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01-2019, do cần tiền tiêu xài, Vũ Thanh T đã liên hệ với ông Trần Văn S để mượn tiền. Ông S đồng ý cho T mượn số tiền 50.000.000 đồng với điều kiện phải thế chấp tài sản có giá trị. Tìm hiểu trên mạng Internet và thông qua Zalo, T đã đặt một đối tượng (chưa xác định lai lịch) làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCN QSDĐ) số BD 646026 mang tên Vũ Thanh T với giá 12.000.000 đồng. Sáng ngày 25-01-2019, T nhận được GCN QSDĐ giả và đã thanh toán đủ số tiền 12.000.000 đồng cho người giao hàng (không xác định được nhân thân). Cùng ngày, T hẹn ông S ra Văn phòng Công chứng Thắng Nhất tại Phường T, thành phố V để làm thủ tục ủy quyền sử dụng đất cho ông S như là hình thức thế chấp nhằm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của T. Tại phòng công chứng, T bị phát hiện về hành vi sử dụng GCNQSDĐ giả. Khi bị phát hiện, T chưa nhận được tiền từ ông S.

Bản kết luận giám định số 276/PC09-Đ3 ngày 07-5-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định: Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 646026 mang tên Vũ Thanh T mà T đã sử dụng ngày 25-01-2019 là tài liệu giả.

Làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vũng Tàu, Vũ Thanh T thừa nhận hành vi sử dụng tài liệu giả là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu và ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 646026 mang tên Vũ Thanh T để làm thủ tục công chứng ủy quyền vào ngày 25-01-2019. Tại thời điểm đó, do chưa đủ căn cứ khởi tố bị can đối với Vũ Thanh T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vũng Tàu đã tạm đình chỉ điều tra vụ án.

Ngày 26-6-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vũng Tàu tiếp nhận tố giác về tội phạm của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc S và bà La Thị Hoàng Q về việc bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra xác định: Đầu năm 2018, Vũ Thanh T cùng với vợ cũ là bà Hoàng Thị H1 lần lượt mua lô đất số 06 hẻm 67 đường S, Phường M, thành phố V từ ông Trần Minh K và lô đất số 08 hẻm 67 đường S, Phường M, thành phố V từ bà Trần Thị H2. Nguồn gốc 02 lô đất trên là của bà Nguyễn Nhật Thu H3. Bà H3 là chủ lô đất nông nghiệp lớn tại hẻm 67 S, bà đã tự phân thành nhiều lô nhỏ có diện tích 5x20m (100m²) và đặt tên các lô theo số thứ tự, mua bán với hình thức giấy tờ viết tay. Năm 2017, ông K mua lô đất số 06 của bà H3; cuối năm 2017, bà H1 mua lô đất số 08 của bà H2. Đầu năm 2018, ông K, bà H2 bán lại các lô đất cho Vũ Thanh T và Hoàng Thị H1. Khi tiến hành mua bán, T và bà H1 đều được bà H2, ông K dẫn đến gặp bà H3 để làm giấy tờ mua bán viết tay dưới hình thức hợp đồng góp vốn chung để sử dụng quyền sử dụng đất (thời gian trên hợp đồng được ghi năm 2008 nhằm để thuận lợi cho việc làm giấy tờ sau này).

Cuối năm 2018, T đồng ý bán lô đất số 06 và 08 cho ông Nguyễn Văn H với giá 350.000.000 đồng, mục đích để trả nợ số tiền T đã vay ông H trước đó đồng thời nhận thêm của ông H một khoản tiền cho đủ 350.000.000 đồng. Việc mua bán có lập Giấy sang nhượng viết tay ngày 14-3-2019, có ký nhận giữa các bên và có người làm chứng là ông Đồng Đức C. T thừa nhận đã nhận đủ số tiền chuyển nhượng từ ông H.

Cuối tháng 02-2019, do cần tiền nên T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. T đã tiếp tục giới thiệu, rao bán lô đất số 08. Do có nhu cầu mua đất nên vợ chồng ông Nguyễn Ngọc S, bà Lã Thị Hoàng Q đã đồng ý mua lô đất trên của S với giá 210.000.000 đồng. Ông S, bà Q không biết việc T đã bán lô đất trên cho ông H. Ngày 15-3-2019, vợ chồng ông S đã giao đủ tiền cho T, các bên cùng lập hợp đồng mua bán nhà đất có chữ ký của vợ chồng ông S, T và bà H1 (do vợ chồng ông S biết T mua lô đất số 08 cùng bà H1). Vào tháng 4-2019, ông

S tiến hành dọn dẹp lô đất trên thì ông H xuất hiện và đưa cho ông S xem giấy tờ ông H đã mua lô đất trên của T. Ông S có liên lạc với T thì được hứa hẹn trả lại tiền nhưng sau đó thì không liên lạc được nữa nên ông S đã tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T đến cơ quan công an.

Ngày 15-10-2019, Vũ Thanh T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra thành phố Hà Nội bắt giữ theo Quyết định truy nã số 10/QĐ-ĐT ngày 12-8-2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vũng Tàu.

Tại cơ quan điều tra, Vũ Thanh T khai nhận hành vi sử dụng tài liệu giả là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 646026 mang tên Vũ Thanh T và hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc S và bà La Thị Hoàng Q. Bên cạnh đó, T khai nhận do làm mất các giấy tờ hợp đồng góp vốn chung để sử dụng quyền sử dụng đất giữa T, bà H1 với bà Nguyễn Nhật Thu H3 nên T đã tự làm (viết, ký tên vào vị trí của các bên liên quan) các giấy tờ với nội dung tương tự để đưa cho ông H, ông S với mục đích giả thích về nguồn gốc các lô đất nêu trên (BL từ 106-129).

Đối với bà Hoàng Thị H1: Tại cơ quan điều tra, bị cáo T xác định do vợ chồng ông S biết bà H1 có tham gia mua lô đất số 08 cùng T nhưng không biết T và bà H1 đã ly hôn nên có yêu cầu bà H1 phải ký giấy tờ mua bán. T có nhờ bà H1 ký, bà H1 đồng ý giúp. Ngoài việc ký giấy tờ mua bán, bà H1 không làm gì khác, mọi việc trao đổi bàn bạc và nhận tiền đều do T trực tiếp thực hiện. Bà H1 cũng không biết việc T đã bán lô đất số 08 cho ông H trước đó (BL số 110). Bà H1 xác định bà và T có cùng nhau mua 02 lô đất số 06 và 08 hẻm 67 BS từ bà H3. Bà để cho T toàn quyền sử dụng 02 lô đất trên để giúp T làm ăn. Việc T bán đất cho ai, bà không can thiệp. Bà không hề biết và không hề nhận bất cứ số tiền gì liên quan đến việc mua bán giữa T và ông H hay giữa T và vợ chồng ông S. Do vợ chồng ông S yêu cầu nên T nhờ bà ký giấy tờ mua bán (BL từ 152-154). Vì vậy, cơ quan cảnh sát điều tra xác định bà H1 không liên quan đến hành vi phạm tội của T.

Về vật chứng, tài sản thu giữ trong vụ án:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 646026 mang tên Vũ Thanh T (bản chính) (BL37-28);

- 01 Hợp đồng đặt cọc mua nhà đất ghi 15-3-2019 giữa bên bán: Vũ Thanh T, Hoàng Thị H1 và bên mua Nguyễn Ngọc S cùng người làm chứng ký tên: Trần Thị Đ, Lã Thị Th, Hàn Văn L (bản chính) (BL 44);

- 01 Hợp đồng góp vốn chung để sử dụng quyền sử dụng đất ghi ngày 19-02-2018 giữa bên chủ quyền sử dụng đất: Nguyễn Nhật Thu H và bên góp vốn chung: Vũ Thanh T, Hoàng Thị H1 (bản chính) (BL 42);

- 01 Hợp đồng mua bán nhà, đất ghi ngày 15-3-2019 giữa bên chuyển nhượng: Vũ Thanh T, Hoàng Thị H1 và bên nhận chuyển nhượng: Nguyễn Ngọc S cùng ký tên với những người làm chứng: Trần Thị Đ, Lã Thị Th, Hàn Văn L (bản chính) (BL 43);

- 01 Giấy sang nhượng đất ghi ngày 14-3-2019 giữa bên bán Vũ Thanh T, bên mua Nguyễn Văn H (bản chính, viết tay bằng mực xanh, có chữ ký và ghi tên của Nguyễn Văn H, Vũ Thanh T, Đồng Đức C) (BL 47-48);

- 01 Giấy bán đất ghi ngày 26-01-2019 (bản chính, viết tay bằng mực xanh, có chữ ký và ghi tên của Nguyễn Văn H, Vũ Thanh T, Đồng Đức C) (BL 46);

- 01 Giấy thể hiện nội dung ông Nguyễn Văn H đặt cọc tiền mua đất cho ông Vũ Thanh T, ghi ngày 07-3-2019 và 09-3-2019 (bản chính, viết tay bằng mực xanh, có chữ ghi tên của Nguyễn Văn H, Vũ Thanh T) (BL 49-50);

- 01 Giấy bán đất ghi ngày 19-02-2008 giữa bên bán Nguyễn Nhật Thu H3 và bên mua Vũ Thanh T (bản chính, có chữ ký tại vị trí tên Nguyễn Nhật Thu H3 và Vũ Thanh T) (BL 51);

- 01 Hợp đồng đặt cọc mua nhà đất ghi ngày 21-3-2018 giữa bên nhận đặt cọc: bà Trần Thị Hoa H và bên đặt cọc: bà Hoàng Thị H1 (bản chính) (BL40-41).

Trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Ngọc S và bà La Thị Hoàng Q yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 210.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Bản cáo trạng số 40/CT-VKSTPVT ngày 10-02-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Vũ Thanh T về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341, khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù về tội “*Sử*

dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; từ 07 (bảy) đến 08 (tám) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” . Đề nghị áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Những tài liệu đã thu giữ, đề nghị tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại là ông Nguyễn Ngọc S, bà La Thị Hoàng Q số tiền 210.000.000 đồng.

- Bị cáo không tranh luận với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát, đồng ý với tội danh và mức hình phạt của Viện kiểm sát đề xuất, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc giảm nhẹ hình phạt vì hiện tại hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, một mình bị cáo nuôi hai con nhỏ do đã ly hôn vợ, cha mẹ già bệnh tật, bị cáo là lao động chính.

- Bị hại đồng ý với tội danh và mức hình phạt của Viện kiểm sát đề xuất, không có ý kiến tranh luận, giữ nguyên yêu cầu bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tư cách của những người tham gia tố tụng:

Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát xác định những người gồm: Bà Hoàng Thị H1, Ông Trần Văn S, Ông Trần Minh K, Bà Trần Thị H2, Bà Nguyễn Nhật Thu H3, Ông Nguyễn Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Nhưng qua nghiên cứu hồ sơ và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định những người này tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng; riêng ông Nguyễn Văn H do cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ của ông H các tài liệu gồm có 01 Giấy sang nhượng đất ghi ngày 14-3-2019 (BL 47-48); 01 Giấy bán đất ghi ngày 26-01-2019 (BL 46); 01 Giấy thể hiện nội dung ông Nguyễn Văn H đặt cọc tiền mua đất cho ông Vũ Thanh T, ghi ngày 07-3-2019 và 09-3-2019 (BL 49-50) và 01 Giấy bán đất ghi ngày 19-02-2008 giữa bên bán Nguyễn Nhật Thu H3 và bên mua Vũ Thanh T (BL 51) nên

ông H được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc xử lý vật chứng sau này.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, đối chiếu lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là thống nhất, hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, của những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khi hỏi vay tiền, theo yêu cầu của người cho vay là ông Trần Văn S thì T phải có tài sản có giá trị thế chấp, muốn vay được tiền, Vũ Thanh T đã đặt trên mạng làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 646026 mang tên Vũ Thanh T. Ngày 25-01-2019, T đã sử dụng giấy chứng nhận giả trên ra Văn phòng Công chứng Thăng Nhất làm thủ tục thế chấp bằng hình thức ủy quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn S để vay số tiền 50.000.000 đồng thì bị phòng công chứng phát hiện thu giữ.

Sau đó, do nợ nần nhiều, không có khả năng xoay sở để trả nợ, muốn có tiền, nên dù đã bán và nhận tiền đầy đủ hai lô đất số 06 và 08 hẻm 67 BS, Phường M, thành phố V cho ông Nguyễn Văn H vào ngày 26-01-2019 nhưng cuối tháng 02-2019, Vũ Thanh T vẫn tiếp tục rao bán lô số 08. Bằng thủ đoạn gian dối, T nói cho người mua là đất của T, chưa bán cho ai, không có tranh chấp, khiến cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc S, bà La Thị Hoàng Q tin tưởng lô đất số 08 vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của T nên vợ chồng ông bà đã đồng ý mua lô đất trên. Số tiền T đã chiếm đoạt của vợ chồng ông S, bà Q là 210.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ tiền, T không thực hiện nghĩa vụ, cắt liên lạc với vợ chồng ông S, bà Q.

Hành vi của bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội ; xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước và quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ; ngoài ra còn gây mất trật tự trị an, bất an cho xã hội. Vì vậy, cần có mức án tương xứng, phù hợp với hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo, bảo đảm phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 210.000.000 đồng đã bị bị cáo chiếm đoạt, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại nên ghi nhận, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 210.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với các tài liệu thu giữ, là vật chứng chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu giữ hồ sơ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Vũ Thanh T** phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15-10-2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận và buộc bị cáo Vũ Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại là ông Nguyễn Ngọc S và bà La Thị Hoàng Q số tiền 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ hồ sơ các tài liệu gồm:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 646026 mang tên Vũ Thanh T (bản chính) (BL37-28);

- 01 Hợp đồng đặt cọc mua nhà đất ghi 15-3-2019 giữa bên bán: Vũ Thanh T, Hoàng Thị H1 và bên mua Nguyễn Ngọc S cùng người làm chứng ký tên: Trần Thị Đ, Lã Thị Th, Hàn Văn L (bản chính) (BL 44);

- 01 Hợp đồng góp vốn chung để sử dụng quyền sử dụng đất ghi ngày 19-02-2018 giữa bên chủ quyền sử dụng đất: Nguyễn Nhật Thu H3 và bên góp vốn chung: Vũ Thanh T, Hoàng Thị H1 (bản chính) (BL 42);

- 01 Hợp đồng mua bán nhà, đất ghi ngày 15-3-2019 giữa bên chuyển nhượng: Vũ Thanh T, Hoàng Thị H1 và bên nhận chuyển nhượng: Nguyễn Ngọc S cùng ký tên với những người làm chứng: Trần Thị Đ, Lã Thị Th, Hàn Văn L (bản chính) (BL 43);

- 01 Giấy sang nhượng đất ghi ngày 14-3-2019 giữa bên bán Vũ Thanh T, bên mua Nguyễn Văn H (bản chính, viết tay bằng mực xanh, có chữ ký và ghi tên của Nguyễn Văn H, Vũ Thanh T, Đồng Đức C) (BL 47-48);

- 01 Giấy bán đất ghi ngày 26-01-2019 (bản chính, viết tay bằng mực xanh, có chữ ký và ghi tên của Nguyễn Văn H, Vũ Thanh T, Đồng Đức C) (BL 46);

- 01 Giấy thể hiện nội dung ông Nguyễn Văn H đặt cọc tiền mua đất cho ông Vũ Thanh T, ghi ngày 07-3-2019 và 09-3-2019 (bản chính, viết tay bằng mực xanh, có chữ ghi tên của Nguyễn Văn H, Vũ Thanh T) (BL 49-50);

- 01 Giấy bán đất ghi ngày 19-02-2008 giữa bên bán Nguyễn Nhật Thu H3 và bên mua Vũ Thanh T (bản chính, có chữ ký tại vị trí tên Nguyễn Nhật Thu H3 và Vũ Thanh T) (BL 51);

- 01 Hợp đồng đặt cọc mua nhà đất ghi ngày 21-3-2018 giữa bên nhận đặt cọc: bà Trần Thị Hoa H và bên đặt cọc: bà Hoàng Thị H1 (bản chính) (BL40-41).

5. Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 10.500.000đ (mười triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

7. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo đối với phần nội dung bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền

5. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bùi

Hoàng Thị Lê Dung

Nguyễn Thị Thanh Huyền

